

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 28-8-2026
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Văn Thiết;

2. Bà Long Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Biên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2026/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị Đ, sinh năm 1989 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt). Số căn cước công dân: 006089002XXX, cấp ngày 30/5/2022.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 2004; Địa chỉ thường trú: 26 Hẻm 294/11/6 Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Số 2, ngõ 43 Doãn Kế Thiện, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội. Số căn cước công dân: 001204011942, cấp ngày 31/5/2021.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đức G, sinh năm 1984 (vắng mặt và yêu cầu xét xử vắng mặt). Số định danh cá nhân: 006189002XXX (chưa được cấp căn cước công dân).

Cùng địa chỉ: Thôn B (nay là thôn X), xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 25-5-2026, nộp trực tiếp ngày 25-5-2026, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Bàn Thị Đ trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Đức G kết hôn và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã Y, tỉnh Thái Nguyên) ngày 16/9/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên sau một thời gian sống chung, từ năm 2018 cho đến nay thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hoàng Đức G thường xuyên đi làm ăn xa, không còn quan tâm tới chị và con. Hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Đức G.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Đức H, sinh ngày 01/10/2015 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Ly hôn chị Bàn Thị Đ có nguyện vọng được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Đức H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Hoàng Đức G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Chị Bàn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

**Tại đơn trình bày ý kiến, bị đơn anh Hoàng Đức G trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời điểm chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị Bàn Thị Đ. Quá trình chung sống anh Giáp thừa nhận đời sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị Đ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh nhất trí với yêu cầu của chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

- Về con chung: Anh xác nhận hai vợ chồng có con chung như chị Đ trình bày. Do hiện nay anh đang làm ăn ở xa không về nhà được do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị Bàn Thị Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nợ chung.

- Về thủ tục tố tụng do hiện nay anh đang làm ăn ở xa, không về tham gia phiên tòa được do vậy anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hòa giải và trước khi diễn ra phiên tòa sơ thẩm, chị Bàn Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án giải quyết việc được ly hôn với anh Hoàng Đức G và giải quyết yêu cầu nuôi con chung là cháu Hoàng Đức H. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ không cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của con chung ngày 28/5/2026 cháu Hoàng Đức Hải có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2026, ông Hoàng Đức K, sinh năm 1960 và bà Lý Thị N, sinh năm 1962 là cha mẹ đẻ của anh Hoàng Đức G xác định giữa hai vợ

chồng anh Hoàng Đức G và chị Bàn Thị Đ có xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã ly thân khá lâu, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, do vậy cả hai ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng của con trai mình không thể hòa hợp, kéo dài được nữa do vậy ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho các bên được ly hôn.

Ngày 23/7/2026, TAND khu vực 7 - Thái Nguyên đã tổ chức phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên anh Hoàng Đức G vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ do vậy Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được và đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người làm chứng cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, Đ 227, 228, 238 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bàn Thị Đ, cho chị Định được ly hôn với anh Hoàng Đức G.

- Về con chung: Giao con chung là Hoàng Đức H, sinh ngày 01/10/2015 cho chị Bàn Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Đức G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bàn Thị Đ yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo quy định tại

khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B (nay là thôn X), xã Y, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 7 - Thái Nguyên theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Bàn Thị Đ, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Đức G trong bản trình bày ý kiến cũng đã có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án tiến hành xét xử xét vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bàn Thị Đ và anh Hoàng Đức G chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã Y, tỉnh Thái Nguyên) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Bàn Thị Đ và anh Hoàng Đức G đều xác định quá trình chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Cả hai vợ chồng đều xác định tình cảm giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cả hai bên đương sự đều nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho các được ly hôn.

Xét tình trạng hôn nhân của hai bên Hội đồng xét xử thấy rằng giữa các bên đã có những mâu thuẫn nhất định, cả hai đều đã ly thân đã lâu, xét thấy hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bàn Thị Đ, tuyên cho chị Bàn Thị Đ được ly hôn với anh Hoàng Đức G.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống, vợ chồng chị Bàn Thị Đ và anh Hoàng Đức G có một người con chung là cháu Hoàng Đức H, sinh ngày 01/10/2015 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường), Quá trình giải quyết vụ án, cả hai vợ chồng chị Bàn Thị Đ và anh Hoàng Đức G đều có nguyện vọng giao con chung cho nguyên đơn chị Bàn Thị Đ là người trực tiếp là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung của các bên đủ 18 tuổi.

Tòa án đã tiến hành thủ tục ghi nhận nguyện vọng của cháu Hoàng Đức H, tại biên bản ghi nhận cháu H có nguyện vọng được chung sống với mẹ nếu bố, mẹ cháu ly hôn. Xét nguyện vọng, điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hoàng Đức H cho nguyên đơn chị Bàn Thị Đ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Việc giao như vậy là có căn cứ theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ngoài ra cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung của hai bên đương sự.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bàn Thị Đ phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị Đ đối với bị đơn anh Hoàng Đức G về việc về việc tranh chấp: *“Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”*.

1.1. Về quan hệ hôn nhân

Tuyên bố nguyên đơn chị Bàn Thị Đ được ly hôn với bị đơn anh Hoàng Đức G.

1.2. Về nuôi con chung

Giao cháu Hoàng Đức H, sinh ngày 01/10/2015 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Bàn Thị Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng Đức H đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị Bàn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Bàn Thị Đ đã nộp theo biên lai thu số: 0002189, ngày 25 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận nguyên đơn chị Bàn Thị Đ đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Y;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Công

